

Bản án số: 376/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19-9-2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

- Bà Hoàng Thị Kim Yến
- Bà Lê Thị Ánh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phương Sang – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 456/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Tiến T, sinh ngày 17/4/1984

CCCD số 030084001634 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 19/5/2023.

Địa chỉ: 88 đường S, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh (Trước đây là: 88 đường S, Phường C, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Bị đơn: Bà Mã Thị L, sinh ngày 07/4/1984

CCCD số 038184031257 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 23/5/2024.

Địa chỉ: 20 Đường D, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (Trước đây là: 20 Đường D, Phường M, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 07/5/2025 và trong quá trình tham gia tố tụng, Nguyên đơn – ông Phạm Tiến T trình bày: Ông và bà Mã Thị L kết hôn năm 2013, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung, hiện không còn tình cảm, từ khi làm đơn ly hôn vợ chồng ly thân. Nay ông yêu cầu được ly hôn bà L, ông hiện là thiếu tá của Đại đội 21, Trung đoàn 230 Sư đoàn 367 Quân chủng Phòng không Không quân; Địa chỉ: 88 đường S, phường S, thành phố Hồ Chí Minh, thu nhập 18.000.000đ/tháng, thời gian làm việc là giờ hành chính, cũng linh động được. Bà L không có nghề nghiệp, sống phụ thuộc vào bố mẹ, bố mẹ cũng đã lớn tuổi nếu Tòa án giao con cho ông nuôi thì ba bố con sẽ ở nhờ nhà chú ruột của ông tại địa chỉ 213B đường S, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về quan hệ con chung: Có 2 con chung là Phạm Tuấn M, sinh ngày 05/12/2013 và Phạm Tuấn S, sinh ngày 14/10/2019. Ly hôn ông yêu cầu nuôi hai con, yêu cầu bà L cấp dưỡng 5.000.000đ/tháng. Cháu M chuẩn bị lên lớp 7, Trường THCS Trường Chinh, phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; cháu S chuẩn bị lên lớp 1, Trường tiểu học Trần Quốc Tuấn; Địa chỉ: 19A Cộng Hòa, phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn – bà Mã Thị L trình bày: Nếu ông T cương quyết ly hôn, bà đồng ý ly hôn. Trước đây bà cũng đi làm nhưng sau đó bỏ để của bà và ông T nói bà ở nhà để phụ gia đình và trông nom con. Bà ở nhà mỗi tháng bố để của bà cho 10.000.000đ, khi còn sống chung ông T nói lương tháng có mấy triệu không phải 18.000.000đ như ông T khai nên hàng tháng chỉ đưa cho bà mấy triệu để lo cho con.

Về con chung: Có 2 con chung là Phạm Tuấn M, sinh ngày 05/12/2013 và Phạm Tuấn S, sinh ngày 14/10/2019. Bà yêu cầu được nuôi hai con, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con 5.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn – ông T trình bày: Tình cảm không còn nên ông yêu cầu được ly hôn, ông kết hôn với bà L năm 2013, sau khi kết hôn vợ chồng ở phòng trọ của bố mẹ bà L, tiền thuê nhà ông không biết bà L có trả hay không. Từ khi làm đơn ly hôn vợ chồng ly thân, khi còn sống chung hàng tháng ông đưa cho bà L 5.000.000đ, ngoài ra ông mua sữa, mấy thứ lặt vặt cho con. Bà L không có việc làm, sống phụ thuộc vào bố mẹ, theo bảng lương thì lương hàng tháng của ông là 16.900.000đ, ông yêu cầu được nuôi hai con, yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/tháng. Nếu Tòa án giao con cho ông nuôi ông sẽ báo cáo với đơn vị bố trí nhà công vụ để ba bố con ở, nếu không được thì ông sẽ thuê nhà trọ, thời

gian làm việc của ông trong giờ hành chính nếu bận việc ông có thể nhờ thím phụ giúp. Tài sản chung, nợ chung không có.

Bị đơn – bà L trình bày: Bà đồng ý ly hôn với ông T, bà yêu cầu được nuôi hai con vì từ nhỏ đến nay bà là người trực tiếp nuôi con, hai con rất quấn nhau nên bà không muốn tách hai anh em, hai anh em đang học trường công gần nhà, bà yêu cầu ông T cấp dưỡng 5.000.000đ/tháng cho hai con. Sau khi kết hôn bà và ông T ở 1 phòng trọ của bố mẹ bà, hàng tháng không phải trả tiền nhà chỉ đóng tiền điện, nước sinh hoạt, trước đây bà đi làm thu nhập cũng đủ lo cho con, gần đây bố bà có việc hay phải về quê, đi công việc riêng và ông T nói bà nghỉ làm để chăm lo cho gia đình, cho con nên bà mới nghỉ làm nhưng hàng tháng bố bà cho ít nhất 10.000.000đ để chăm lo cho gia đình. Khi còn sống chung ông T không đưa tiền hàng tháng cho bà chỉ lâu lâu đưa cho bà 2-3 triệu còn lại thì bà tự lo, bà và ông T không có tài sản chung, nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật, xét xử đúng hạn luật định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận cho ông T ly hôn, giao hai con cho bà L nuôi dưỡng, buộc ông T cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Tài sản chung và nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông T khởi kiện “tranh chấp ly hôn” với bà L do bà L cư trú tại quận Tân Bình (cũ) nên Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh) thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên

Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn – ông Thanh có mặt. Bị đơn – bà L có mặt.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số: 112/2013; Quyền số: 01/2013 do UBND Phường P, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường W, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 11/6/2013 thì quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà L là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông T vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với bà L do quá trình chung sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, tình cảm không còn. Bà L đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông T yêu cầu ly hôn, bà L đồng ý ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên ghi nhận.

[5] Về quan hệ con chung: Ông T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Phạm Tuấn M, sinh ngày 05/12/2013 và trẻ Phạm Tuấn S, sinh ngày 14/10/2019. Xét thấy:

Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số 485; Quyền số 03/2013 do UBND phường P, quận Z (nay là phường W), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/12/2013 và Bản sao Giấy khai sinh số: 367 do UBND phường P, quận Z (nay là phường W), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/11/2019 thì trẻ Phạm Tuấn M, sinh ngày 05/12/2013 và trẻ Phạm Tuấn S, sinh ngày 14/10/2019 là con chung của ông Phạm Tiến T và bà Mã Thị L.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông T, bà L đều có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, yêu cầu được cấp dưỡng 5.000.000đ/tháng để nuôi hai con và xác nhận từ khi sinh ra đến nay trẻ M, trẻ S cư trú cùng bố mẹ tại nhà số 20 Đường D, Phường P, quận Z (nay là phường W), Thành phố Hồ Chí Minh), đây là nhà của bố, mẹ bà L.

Bà L hiện không đi làm nhưng có được sự hỗ trợ rất lớn từ gia đình về chỗ ở, chi phí sinh hoạt của 3 mẹ con, có nhiều thời gian để chăm sóc, nuôi dưỡng, đưa đón các con đi học. Ông T có thu nhập nhưng làm việc trong quân đội, thời gian làm việc kỷ luật, cố định nên việc chăm sóc, nuôi dưỡng, đưa đón con đi học chính ở trường, hay đi học thêm sẽ không được đảm bảo, thuận lợi bằng bà L. Bà L và các con đang có chỗ ở ổn định, không phải trả tiền thuê nhà, còn ông T vẫn chưa xác định được sẽ ở đâu nếu Tòa án giao con cho ông T nuôi dưỡng mà còn phụ thuộc vào việc đơn vị có bố trí nhà công vụ để ở hay phải đi thuê nhà trọ để sinh sống. Hiện trẻ M, trẻ S đang theo học trường công tại địa bàn phường W, cùng phường ba mẹ con đang sinh sống nên để ổn định sinh hoạt, học hành của trẻ M, trẻ S và phù hợp với nguyện vọng của trẻ M là được ở với mẹ, Hội đồng xét xử

không chấp nhận yêu cầu của ông T, quyết định giao trẻ M, trẻ S cho bà L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà L yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi trẻ M, trẻ S 5.000.000đ/tháng. Xét thấy: Với thu nhập hàng tháng gần 17.000.000đ của ông T thì yêu cầu cấp dưỡng 5.000.000đ/tháng cho hai con của bà L là phù hợp thu nhập của ông T, khoản tiền còn lại sau cấp dưỡng nuôi hai con vẫn đảm bảo cho sinh hoạt của ông T. Do đó, Hội đồng quyết định buộc ông T phải cấp dưỡng nuôi trẻ M, trẻ S, mỗi trẻ 2.500.000đ/tháng.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T, bà L xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không có gì phải xem xét giải quyết.

[8] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ông T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được căn trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp và 300.000đ tiền án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – ông Phạm Tiến T.

a. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Tiến T và bà Mã Thị L.

b. Về quan hệ con chung: Giao trẻ Phạm Tuấn M, sinh ngày 05/12/2013 và Phạm Tuấn S, sinh ngày 14/10/2019 cho bà Mã Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hàng tháng ông Phạm Tiến T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi trẻ Phạm Tuấn A, Phạm Tuấn S, mỗi trẻ 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng), thực hiện từ tháng 9/2025 cho đến khi phát sinh điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

c. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2/ Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do ông Phạm Tiến T chịu, được căn trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Phạm Tiến T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0080846 ngày 26/5/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh).

Ông Phạm Tiến T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

3/ Kể từ ngày có Đơn yêu cầu thi hành án của bà Mã Thị L đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, ông Phạm Tiến T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu

cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5/ Về quyền kháng cáo: Ông Phạm Tiến T, bà Mã Thị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

6/ Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 4 – Tp.Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 4 – Tp.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai Hương